

Số: **44** /BC-HĐND

Hà Nội, ngày **17** tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả giám sát về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố về Chương trình giám sát năm 2020, Thường trực HĐND Thành phố tổ chức Đoàn giám sát về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay¹.

Mục đích giám sát nhằm đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Quyết định 1956) từ năm 2016 đến nay; Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, tồn tại hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện; làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những hạn chế, vướng mắc nhằm kiến nghị, đề xuất giải pháp đối với công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trong giai đoạn tiếp theo.

Thường trực HĐND Thành phố báo cáo kết quả của Đoàn giám sát như sau:

I. Về việc thực hiện quyết định, kế hoạch giám sát

Trên cơ sở nội dung giám sát theo Nghị quyết của HĐND Thành phố và mục đích, yêu cầu giám sát theo quyết định, kế hoạch giám sát, Thường trực HĐND Thành phố đã giao Ban Văn hóa Xã hội là bộ phận thường trực, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai kế hoạch giám sát, đôn đốc các đơn vị xây dựng và gửi báo cáo cho Đoàn giám sát bảo đảm thời gian, chất lượng và tổng hợp chung Kết quả giám sát của Đoàn.

Đoàn giám sát thực hiện phương thức giám sát thông qua báo cáo của UBND Thành phố, 04 Sở², 20 quận, huyện, thị xã³. Từ ngày 10/6 đến ngày

¹ Theo Quyết định số 14-QĐ-HĐND ngày 14/5/2020 của HĐND Thành phố.

² Các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, Công Thương và Nội Vụ;

³ Từ giai đoạn 2016 đến nay, có 20 đơn vị thực hiện công tác đào tạo nghề nông thôn gồm 17 huyện, thị xã Sơn Tây và 02 quận Hà Đông, Bắc Từ Liêm.

23/6/2020, Đoàn giám sát đã làm việc trực tiếp với 04 huyện⁴ và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. Tham dự các buổi làm việc của Đoàn giám sát có đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Liên đoàn Lao động Thành phố; Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Thành Đoàn Hà Nội; Hội Nông dân Thành phố; đại diện lãnh đạo các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Nội vụ, Công thương, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội, đại diện Văn phòng HĐND, UBND Thành phố; đại diện Tổ đại biểu HĐND Thành phố và Thường trực cấp ủy, Thường trực HĐND 04 huyện Đoàn giám sát trực tiếp.

Ban Chỉ đạo 1956 Thành phố, 20 đơn vị quận, huyện, thị xã và 04 Sở là đối tượng giám sát nêu trên đã xây dựng, gửi báo cáo cho đoàn giám sát và thực hiện nghiêm túc các nội dung, chương trình làm việc của Đoàn giám sát, tham dự buổi giám sát đầy đủ và đúng thành phần. Báo cáo của các đơn vị cơ bản bám sát nội dung, đáp ứng yêu cầu theo đề cương của Đoàn giám sát. Tại các buổi giám sát trực tiếp, đã có nhiều ý kiến trao đổi của thành viên Đoàn giám sát cũng như ý kiến bổ sung, giải trình, giúp làm rõ những kết quả đạt được, chỉ ra tồn tại và hạn chế của các cơ quan, đơn vị, đáp ứng theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

II. Đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay

1. Kết quả đạt được

(1) Trong những năm qua, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã được các cấp, các ngành từ Thành phố đến cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở các quy định của Trung ương, các Sở, ngành liên quan đã tham mưu UBND Thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai trên địa bàn Thành phố⁵; các quận, huyện, thị xã đã thành lập Ban Chỉ đạo⁶, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm và triển khai công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn⁷. Một số đơn vị đã

⁴ 4 huyện: Ba Vì, Quốc Oai, Mê Linh, Sóc Sơn.

⁵ Giai đoạn từ năm 2016 đến nay, Thành phố ban hành 21 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo (04 công văn, 07 quyết định, 10 kế hoạch);

⁶ 100% các quận, huyện, thị xã đã thành lập Ban Chỉ đạo 1956; 438/444 xã, phường, thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo 1956 cấp xã (06 phường không thành lập Ban Chỉ đạo: 03 phường thuộc quận Hà Đông, 03 phường thuộc thị xã Sơn Tây do không có đối tượng học theo quy định).

⁷ Quận Bắc Từ Liêm: 04 kế hoạch, 07 quyết định; huyện Chương Mỹ: 05 kế hoạch, 05 văn bản chỉ đạo; huyện Đan Phượng: 05 kế hoạch, 03 quyết định, 02 văn bản chỉ đạo; huyện Phú Xuyên: 09 kế hoạch, 04 quyết định; huyện Sóc Sơn: 05 kế hoạch, 12 văn bản chỉ đạo...

ban hành Nghị quyết của cấp ủy về công tác đào tạo nghề⁸, đưa vào hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Đảng bộ địa phương.

(2) Công tác tuyên truyền các chính sách của Đảng, Nhà nước về đào tạo nghề, truyền nghề, nhân cấy nghề cho lao động nông thôn được quan tâm và được đưa vào kế hoạch hàng năm của các cấp từ Thành phố đến cơ sở; hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú⁹. Công tác điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn được Thành phố quan tâm, chỉ đạo, ban hành kế hoạch và giao nhiệm vụ đào tạo nghề hàng năm phù hợp với nhu cầu của từng địa phương; ban hành danh mục nghề và định mức chi phí đào tạo các nghề cho lao động nông thôn¹⁰; số lao động nông thôn đăng ký nhu cầu học nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn Thành phố từ năm 2016 đến năm 2019 là 100.737 người.

(3) Mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề cơ bản đã đáp ứng với yêu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Toàn Thành phố có 370 cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và từ năm 2016 đến nay, có 56 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Các chính sách đối với người lao động tham gia học nghề được thực hiện đảm bảo đúng quy định.

(4) Công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức xã được thực hiện hàng năm theo kế hoạch đảm bảo đúng đối tượng, đúng nội dung, hình thức và thời gian phù hợp. Từ năm 2016 đến nay, đã đào tạo, bồi dưỡng cho 21.434 lượt người với tổng kinh phí 37.720 triệu đồng (*trong đó, ngân sách Thành phố 23.610 triệu đồng, ngân sách Trung ương hỗ trợ 14.110 triệu đồng*). Sau khi được đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức xã đã được nâng cao năng lực, kỹ năng hoạt động chuyên môn, hiệu quả công tác từng bước được nâng lên...

(5) Việc phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội trong kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề được quan tâm. Hàng năm, Ban Chỉ đạo 1956 của Thành phố và các quận, huyện, thị xã đã xây dựng kế hoạch và thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, giám sát về công tác đào tạo nghề; đồng thời, Liên ngành¹¹

⁸ Huyện Quốc Oai...

⁹ Phát thanh trên hệ thống đài truyền thanh địa phương, tại các hội nghị, in phát các tờ rơi..., từ năm 2016 đến nay đã in và phát 52.000 tờ rơi, xây dựng 44 phóng sự, tổ chức 785 phiên giao dịch việc làm cho 437.000 lượt người tham gia (trong đó, 50 phiên lưu động), 254.067 người được giới thiệu việc làm; Sở Công thương đã phối hợp với các cơ quan báo, đài thực hiện 64 phóng sự, tin bài trên các đài truyền hình, 200 tin, bài trên báo, tạp chí giấy, 580 tin bài trên báo mạng, website của Sở, của Trung tâm... tuyên truyền về chương trình khuyến công.

¹⁰ Giai đoạn 2011-2015 ban hành danh mục 49 nghề; giai đoạn 2017- 2020 ban hành 33 nghề: Trong đó, có 16 nghề nông nghiệp và 17 nghề phi nông nghiệp).

¹¹ Có sự phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội tham gia đoàn kiểm tra, cụ thể: Ban tuyên giáo; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Thành đoàn, Liên đoàn Lao động Thành phố.

cũng đã tiến hành kiểm tra đột xuất tại các lớp học. Từ năm 2016 đến nay, các cấp từ Thành phố đến cơ sở đã tổ chức trên 1.000 lượt kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Qua kiểm tra, kịp thời phát hiện các thiếu sót cần điều chỉnh, khắc phục góp phần nâng cao hiệu quả của Đề án.

(6) Kết quả thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2019, các quận, huyện, thị xã đã tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho 76.203 lao động/100.737 lao động đăng ký đào tạo¹². Tỷ lệ lao động sau khi học nghề xong có việc làm đạt 89,61%, trong đó: tỷ lệ lao động được doanh nghiệp/đơn vị tuyển dụng chiếm 10,71%; được doanh nghiệp/đơn vị bao tiêu sản phẩm chiếm 10,93%; tỷ lệ lao động sau học nghề tự tạo việc làm chiếm 77,64%; số lao động thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp chiếm 0,72%. Tổng kinh phí chi cho công tác đào tạo nghề từ năm 2016 đến nay là: 236.278.546 ngàn đồng¹³.

Một số địa phương triển khai mô hình đào tạo điểm đã thu hút được nhiều lao động tham gia học nghề và nâng cao thu nhập cho người lao động như: mô hình đào tạo May công nghiệp tại huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, mức thu nhập của người lao động bình quân từ 2,5 triệu đến 6 triệu đồng/tháng; mô hình nghề sản xuất mây tre giang đan tại huyện Chương Mỹ phối hợp đào tạo với doanh nghiệp, thu nhập bình quân của người lao động 4 triệu đồng/tháng; mô hình đào tạo nghề trồng cây ăn quả, nấm ăn, nấm dược liệu tại: Đông Anh, Hoài Đức, Ba Vì...; thu nhập tăng thêm của người lao động sau đào tạo nghề trung bình khoảng 2,5 triệu đến 3 triệu đồng/tháng...

(7) Nhìn chung, việc triển khai thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hà Nội những năm qua đã góp phần tích cực nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, hỗ trợ giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động, đặc biệt là lao động ở các làng thuần nông, làng nghề, lao động thuộc diện hộ nghèo, lao động nông thôn bị thu hồi đất canh tác có khó khăn về kinh tế đã có cơ hội học nghề, có việc làm và thu nhập. Kết quả đào tạo nghề đã góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực, từng bước giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thu hút được nguồn lực của xã hội, các doanh nghiệp, nghệ nhân tham gia tích cực vào dạy nghề và giải quyết việc làm. Qua đó, góp phần thúc đẩy phát triển

¹²Phân theo loại nghề: Nghề nông nghiệp 1.364 lớp/47.352 người chiếm 62,14%; nghề phi nông nghiệp 834 lớp/28.851 người chiếm 37,86%.

- Phân theo đối tượng: Đối tượng hưởng chính sách người có công với cách mạng 3.096 người; dân tộc thiểu số 4.165 người; hộ nghèo 6.577 người; bị thu hồi đất 6.316 người; người khuyết tật 316 người; lao động nữ bị mất việc làm 270 người; hộ cận nghèo 4.612 người; lao động nông thôn khác 50.851 người.

¹³Trong đó nguồn kinh phí từ Thành phố là 236.278.546.000 đồng (chiếm 95,54%), nguồn kinh phí từ địa phương là: 3.006.791.000 đồng (chiếm 1,27%), nguồn kinh phí khác là 7.540.787.000 đồng (chiếm 3,19%).

kinh tế - xã hội; an ninh chính trị tại các địa phương được ổn định, đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo, tăng thu nhập cho lao động nông thôn.

2. Hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Công tác tuyên truyền, định hướng, tư vấn cho người lao động chọn nghề và tham gia học nghề còn hạn chế, chưa sát với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, nhu cầu của thị trường lao động; công tác khảo sát nhu cầu học nghề chưa sát thực tế. Việc tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn phần lớn chưa dựa trên nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và khả năng tăng thu nhập của người lao động sau đào tạo nghề (chưa dự kiến được việc làm và thu nhập của người lao động sau khi học), chủ yếu dựa trên đăng ký học nghề của người lao động và năng lực sẵn có của cơ sở đào tạo.

- Việc rà soát, bổ sung danh mục các nghề đào tạo, chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa thường xuyên kịp thời. Thời gian đào tạo theo chương trình đào tạo sơ cấp quy định tại Quyết định 1956/QĐ-TTg và được UBND Thành phố phê duyệt (03 tháng) chưa phù hợp, đối với một số nghề nông nghiệp thì quá dài nên khó khăn trong công tác quản lý lớp; đối với nghề phi nông nghiệp thì lại ngắn dẫn đến người lao động sau đào tạo nghề không đáp ứng được với yêu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Do đó, khả năng thu hút người lao động tham gia học nghề giảm.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức lớp học nghề của một số quận, huyện, thị xã chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Công tác thống kê kết quả giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo nghề tại các xã chưa được quan tâm đúng mức, chưa thường xuyên, kịp thời và thiếu chính xác.

- Một số cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa nghiêm túc trong việc tổ chức lớp học nghề như chưa đảm bảo về: cơ sở vật chất; trang thiết bị; thời lượng đào tạo; tiến độ, kế hoạch đào tạo đã đề ra... dẫn đến chất lượng đào tạo nghề có mặt hạn chế, không thiết thực và thiếu sức hút với người học.

- Năng lực đào tạo nghề của các Trung tâm nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện còn hạn chế, nên số trung tâm tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa nhiều hoặc tham gia với quy mô, số lượng ngành nghề đào tạo còn ít.

- Chính sách tín dụng sau học nghề có điểm còn bất cập; nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo nghề chưa đáp ứng nhu cầu. Chưa có sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn sau đào tạo nghề.

- Tỷ lệ lao động tham gia đào tạo nghề phi nông nghiệp giai đoạn 2016-2019 của Thành phố đạt thấp (37,86%) so với mục tiêu chung của Quyết định 1956/QĐ-

TTg (74,5%). Kết quả sau đào tạo nghề chủ yếu là người lao động tự tạo việc làm (77,64%), số lao động được tuyển dụng vào các doanh nghiệp (10,71%), được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm (10,93%) chiếm tỷ lệ thấp. Số lao động sau đào tạo nghề có việc làm đem lại thu nhập khá không nhiều. Chưa đánh giá được cụ thể về lao động sau đào tạo có việc làm mới hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn.

- Công tác tham mưu xây dựng chương trình, ban hành định mức chi phí đào tạo cho từng nghề để làm cơ sở hỗ trợ cho người lao động tham gia học nghề giai đoạn 2017 - 2020 còn chậm dẫn đến năm 2017 chỉ có 10/20 đơn vị tổ chức đào tạo nghề nông thôn với 13.703 người được đào tạo/23.415 người đăng ký đào tạo (đạt 58,52%).

3. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Việc đăng ký nghề học của người lao động nông thôn còn mang tính phong trào, chưa xác định mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng. Bản thân người lao động chưa thật sự có trách nhiệm khi tham gia học nghề; đăng ký học nghề nhưng không thực hiện đầy đủ các yêu cầu, quy định của lớp học, đơn vị đào tạo.

- Lao động nông thôn tham gia các lớp đào tạo nghề phần lớn là lao động chính trong gia đình nên vừa học, vừa phải kiếm sống hàng ngày, bên cạnh đó, nhu cầu học nghề phân tán nhiều nghề khác nhau, nhiều địa phương khác nhau nên khó hình thành lớp và ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Học viên trong lớp học có độ tuổi không đồng đều dẫn đến việc tiếp thu kiến thức, kỹ năng nghề theo chương trình đào tạo còn gặp khó khăn.

- Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do: Lực lượng lao động nông thôn trong độ tuổi học nghề ngày càng giảm; việc người học phải đóng góp một phần chi phí đào tạo đã ảnh hưởng đến việc thu hút người tham gia học những nghề có định mức chi phí đào tạo lớn hơn mức hỗ trợ tối đa theo chính sách hiện hành.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa thực sự sâu sát; công tác phối hợp chỉ đạo và thực hiện công tác đào tạo nghề chưa nhịp nhàng, do vậy đã ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến đến người dân về chính sách đào tạo nghề theo Quyết định 1956/QĐ-TTg chưa sâu. Một số người lao động đi học nghề với mục đích “hưởng” chế độ chính sách, chưa nhận thức được những lợi ích của việc học nghề mang lại, cũng như sự cần thiết và trách nhiệm của người học nghề, nên còn ngại đi học và chưa chuyên cần trong khi học.

- Cán bộ theo dõi công tác đào tạo nghề cấp huyện phần lớn còn kiêm nhiệm vì vậy chưa sâu sát trong công tác đào tạo nghề, chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện và đánh giá hiệu quả sau đào tạo.

- Trình độ đào tạo nghề sơ cấp đối với một số nghề phi nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp, trong khi chưa có các giải pháp hiệu quả khuyến khích doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, phòng, xưởng thực hành còn hạn chế do địa điểm đào tạo nghề phần lớn được tổ chức linh hoạt tại các thôn, xã đã ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

- Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện khó khăn trong việc bổ sung giáo viên cơ hữu; trang thiết bị đào tạo nghề dẫn đến năng lực đào tạo nghề còn hạn chế, chưa đáp ứng, nhu cầu đào tạo nghề và tuyển dụng của doanh nghiệp hiện nay.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với Trung ương

(1) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn trong giai đoạn tiếp theo nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm ổn định, bền vững, tăng thu nhập cho người lao động; trong đó đề nghị điều chỉnh một số nội dung sau:

- Điều chỉnh độ tuổi tham gia học nghề theo Luật Lao động sửa đổi.

- Nâng mức hỗ trợ tối thiểu cho lao động nông thôn tham gia học nghề, để nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

- Đối với các đối tượng lao động nông thôn có nhu cầu học trình độ Cao đẳng, trung cấp đề nghị có chính sách miễn, giảm hoặc hỗ trợ học phí để thu hút người lao động tham gia học nghề, tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có tay nghề cao.

- Điều chỉnh thời gian đào tạo nghề nông nghiệp và nghề phi nông nghiệp cho phù hợp với thực tế.

(2) Đề nghị Bộ Công thương sớm trình Chính phủ ban hành Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021- 2030 làm căn cứ để UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng chương trình cấp tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đối với UBND Thành phố

(1) Chỉ đạo rà soát quy hoạch mạng lưới trường nghề, đề xuất điều chỉnh, cập nhật vào Quy hoạch của Thành phố theo quy định. Sớm phê duyệt, tổ chức thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của

Thành phố; tập trung đầu tư xây dựng một số trường Cao đẳng công lập thuộc Thành phố thành trường chất lượng cao, quy mô lớn, cơ cấu đa ngành nghề;

(2) Chỉ đạo công tác đào tạo nghề gắn với quy hoạch của Thành phố giai đoạn 2021- 2025 và những năm tiếp theo; đồng thời, rà soát đảm bảo các nghề nông nghiệp phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp, định hướng tái cấu trúc ngành nông nghiệp; nghề phi nông nghiệp phải xuất phát từ quy hoạch sản xuất công nghiệp, dịch vụ, làng nghề. Điều chỉnh các nghề, nhóm nghề phù hợp với thực tiễn, gắn với nhu cầu đào tạo nghề của người lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

(3) Tiếp tục chỉ đạo UBND các quận, huyện, thị xã hàng năm phối hợp với Sở Công Thương trong triển khai thực hiện các nội dung đề án khuyến công phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trong triển khai thực hiện các nội dung khuyến nông, trong đó chú trọng phương thức đào tạo, truyền nghề, nhân cấy nghề cho người lao động nông thôn.

(4) Chỉ đạo tổng kết việc thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg làm cơ sở xây dựng chính sách đào tạo nghề trong giai đoạn tiếp theo.

(5) Chỉ đạo rà soát, nghiên cứu chính sách mới đối với người học nghề và các chính sách khác có liên quan đảm bảo phù hợp với thực tế; trình HĐND Thành phố ban hành những cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề và các cơ chế, chính sách xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

3. Đối với các sở, ngành Thành phố

(1) Các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương thường xuyên rà soát, tham mưu UBND Thành phố cập nhật, bổ sung kịp thời danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn đáp ứng thiết thực nhu cầu người lao động và thực tế của các địa phương; thẩm định kỹ, khách quan lựa chọn các cơ sở có đủ điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn đảm bảo chất lượng, hiệu quả, trình UBND Thành phố phê duyệt.

(2) Các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo nghề đổi mới và phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và nhu cầu của người học, thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới; tăng cường chuyển giao công nghệ; chủ động đề xuất các giải pháp để triển khai có hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố.

(3) Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố tăng cường tư vấn, hướng dẫn người lao động sau khi học nghề được tiếp cận và vay vốn theo quy

định; nghiên cứu, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền nâng mức cho vay đối với người lao động sau học nghề và bổ sung vốn vay quỹ quốc gia giải quyết việc làm nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế hiện nay.

(4) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn của các cơ sở đào tạo nghề, đảm bảo việc tổ chức dạy và học đúng đối tượng, đủ thời gian theo chương trình đào tạo; đúng định mức, chế độ tài chính hiện hành, hiệu quả, tiết kiệm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sau đào tạo nghề.

4. Đối với các quận, huyện, thị xã

(1) Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Tiếp tục triển khai nghiêm túc, có hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn. Chú trọng công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề nhằm nâng cao nhận thức về quyền lợi và trách nhiệm học nghề của người lao động.

(2) Rà soát, dự báo nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo nghề phải sát với thực tế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; các nghề nông nghiệp phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, chú trọng đào tạo theo chuỗi sản phẩm, đào tạo gắn với sản xuất và bao tiêu sản phẩm. Gắn đào tạo nghề với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương.

(3) Tiếp tục triển khai các mô hình điểm về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nhân rộng các mô hình đã triển khai có hiệu quả; đánh giá cụ thể chất lượng kết quả đầu ra; rà soát danh mục các nghề chưa phù hợp, đề xuất điều chỉnh, bổ sung trong danh mục cho phù hợp để nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề.

(4) Phối hợp với các doanh nghiệp trong giải quyết việc làm; nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, các tổ hợp tác xã trên địa bàn, từ đó có biện pháp hỗ trợ người lao động giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định. Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ với cấp xã trong tổ chức, quản lý lớp học và thống kê tỷ lệ lao động sau đào tạo nghề có việc làm và nâng cao thu nhập để có cơ sở đánh giá hiệu quả công tác đào tạo nghề hàng năm.

(5) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo 1956 cấp huyện, cấp xã; các tổ chức chính trị - xã hội và người dân, đảm bảo việc tổ chức dạy và học nghề đúng đối tượng, đủ thời gian theo chương trình đào tạo. Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí đào tạo nghề do UBND Thành phố cấp và các nguồn kinh phí khác (nếu có). Thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo đúng quy định.

Trong quá trình giám sát, Đoàn đã nhận được một số ý kiến đề xuất, kiến nghị của địa phương, đơn vị. Đoàn giám sát tổng hợp chuyên đến UBND Thành phố để chỉ đạo nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền và thông báo cho các địa phương, đơn vị biết (*Phụ lục kèm theo*).

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát HĐND Thành phố về tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2016 đến nay. Thường trực HĐND Thành phố báo cáo Thường trực Thành ủy, HĐND Thành phố và đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị nêu trên./.



TM. THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

Nơi nhận:

- UB Thường vụ Quốc hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội; (*để báo cáo*)
- Văn phòng Chính phủ;
- Đoàn ĐBQH HN;
- Thường trực HĐND TP;
- UBND Thành phố;
- UB MTTQ VN TP;
- Liên đoàn LĐ TP;
- Hội LHPN TP;
- Hội Nông dân TP;
- Đoàn TNCS HCM TP;
- Các Ban HĐNDTP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Văn phòng Thành ủy;
- VP HĐND TP: CVP, P.CVP;
- Văn phòng UBND TP;
- Các sở: LĐT&XH, NN&PTNT, CT, TC, Nội Vụ, KH&ĐT, GD&ĐT, TTTT;
- Ban QL KCN&CX TP;
- Ngân hàng CSXH TP;
- TT HĐND, UBND các q, h, tx;
- Lưu: VT, VHXXH_N.



Biểu số 01

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Bám theo Báo cáo giám sát số **44** /BC-HĐND ngày **17/7/2020** của HĐND Thành phố)

TT	Nội dung	Chia theo các năm					TỔNG CỘNG
		2016	2017	2018	2019	Đến tháng 5/2020	
1	Các văn bản xây dựng hướng dẫn trong năm						-
2	Danh mục đào tạo nghề (được TP phê duyệt)	49	33	33	33		
3	Số lần kiểm tra, giám sát	386	137	337	483		1.343
4	Tổng số lao động đã được đào tạo:	26.702	13.703	20.909	14.889	-	76.203
	<i>Theo nghề đào tạo</i>						-
	- Nghề Nông nghiệp	14.991	9.398	14.114	8.849		47.352
	- Nghề Phi Nông nghiệp	11.711	4.305	6.795	6.040		28.851
	<i>Theo đối tượng đào tạo</i>						-
	- Cá nhân thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách	3.620	2.408	2.515	1.130		9.673
	- Cá nhân thuộc đối tượng dân tộc thiểu số	1.321	1.247	910	687		4.165
	- Cá nhân thuộc hộ cận nghèo	410	737	2.250	1.215		4.612
	- Đối tượng khác	21.351	9.311	15.234	11.857		57.753
5	Cán bộ, công chức cấp xã	18.354	11.506	11.257	4.795		45.912
6	Giáo viên, người hướng dẫn được đào tạo						-
7	Số lao động học nghề được doanh nghiệp tuyển dụng sau đào tạo	2.625	-	1.427	1.993	-	6.045
	<i>Theo nghề đào tạo</i>						-
	- Nghề Nông nghiệp	58	-	-	-		58
	- Nghề Phi Nông nghiệp	2.567	-	1.427	1.993		5.987
	<i>Theo đối tượng đào tạo</i>						-
	- Cá nhân thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách:						-
	- Cá nhân thuộc đối tượng dân tộc thiểu số						-
	- Cá nhân thuộc hộ cận nghèo:						-
	- Đối tượng khác						-
	- Tỷ lệ làm đúng theo ngành nghề được đào tạo						-
8	Số lao động học nghề được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm	2.322	-	2.041	1.955	-	6.318
	<i>Theo nghề đào tạo</i>						-

TT	Nội dung	Chia theo các năm					TỔNG CỘNG
		2016	2017	2018	2019	Đến tháng 5/2020	
	- Nghề Nông nghiệp	22	-	-	-		22
	- Nghề Phi Nông nghiệp	2.300	-	2.041	1.955		6.296
	<i>Theo đối tượng đào tạo</i>						-
	- Cá nhân thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách:						-
	- Cá nhân thuộc đối tượng dân tộc thiểu số						-
	- Cá nhân thuộc hộ cận nghèo:						-
	- Đối tượng khác						-
	- Tỷ lệ làm đúng theo ngành nghề được đào tạo						-
9	Số lao động học nghề tự tạo việc làm	18.247	-	13.853	9.512		41.612
10	Số đơn vị đăng ký đào tạo nghề	48	30	36	31		56
11	Số đơn vị đăng ký bao tiêu sản phẩm, tuyển dụng						-
	- Nghề Nông nghiệp						-
	- Nghề Phi Nông nghiệp						-
12	Số doanh nghiệp/đơn vị tham gia ký hợp đồng 3 bên (lượt)	66	51	62	54		233
13	Số hộ thoát nghèo sau khi được đào tạo nghề	156	-	41	-		197
14	Nguồn kinh phí đào tạo (1.000 đồng)	64.520.932	36.811.913	56.610.889	42.353.812	35.981.000	236.278.546
	- Ngân sách Thành phố	64.060.401	35.665.918	53.278.115	36.745.534	35.981.000	225.730.968
	- Ngân sách địa phương, nguồn khác	460.531	1.145.995	3.332.774	5.608.278	-	10.547.578
15	Số hộ gia đình được vay vốn	2.162	1.644	1.115	3.627		8.548
16	Tỷ lệ lao động chuyển đổi từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp	75,0%			4,1%		39,6%
17	Số hộ gia đình tham gia học nghề chuyển thành hộ khá theo tiêu chí tại Quyết định số 491/QĐ-TTg	1.204		-	364		1.568

Ghi chú: Nguồn số liệu tại báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 09/6/2020 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956

BÁO CÁO CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LĐNT GIAI ĐOẠN 2016 - 2019
(Kèm theo Báo cáo giám sát số **44** /BC-HĐND ngày **17/7/2020** của HĐND Thành phố)

Stt	Tên cơ sở dạy nghề	Kết quả đào tạo nghề cho LĐNT					
		Số lớp	Số người được đào tạo				Tổng số người học xong
			Cộng	Đối tượng 1	Đối tượng 2	Đối tượng 3	
1	Trường CD Cơ điện và Công nghệ Thực phẩm Hà Nội	50	1.747	140	6	1.601	1.642
2	Trường CD Cộng đồng Hà Tây	128	4.475	892	148	3.435	3.610
3	Trường CD Công nghệ và Kinh tế Hà Nội	46	1.603	426	298	879	1.495
4	Trường CD Hùng Vương Hà Nội	15	513	215	32	266	443
5	Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật thương mại	3	105	105	-	-	105
6	Trường CD Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bắc Bộ	167	5.819	1.183	444	4.192	4.880
7	Trường CD Thăng Long	106	3.700	741	51	2.908	2.615
8	Trường CDN Kỹ thuật công nghệ Kinh tế Simco Sông Đà	2	70	-	-	70	70
9	Trường CDN Quốc tế Hà Nội	10	350	-	-	350	350
10	Trường CDN Trần Hưng Đạo	14	477	404	-	73	450
11	Trường CDN Văn Lang Hà Nội	12	420	207	-	213	420
12	Trường TC Công nghệ và Du lịch Hà Nội	32	1.111	284	137	690	902
13	Trường TC Giao thông vận tải Hà Nội	120	4.140	303	91	3.746	2.854
14	Trường TCN Công đoàn Việt Nam	19	649	399	1	249	350
15	Trường TCN Du lịch Hà Nội	9	299	109	-	190	299
16	Trường TCN Giao thông Vận tải	112	3.865	1.142	421	2.302	3.016
17	Trường TCN Hội nông dân Việt Nam	29	1.008	165	3	840	763
18	Trường TCN Kinh tế - Kỹ thuật Vinamotor	21	735	-	-	735	735
19	Trường TCN Nấu ăn - Nghiệp vụ du lịch và Thời trang Hà Nội	2	70	-	-	70	70
20	Trường TCN Số 1 Hà Nội	4	140	-	-	140	140
21	Trường TCN Tổng hợp Hà Nội	17	585	225	4	356	375
22	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Gia Lâm	8	280	2	-	278	280
23	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Hoài Đức	35	1.090	934	85	71	1.090
24	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Mê Linh	68	2.305	1.730	413	162	1.675
25	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Sóc Sơn	15	516	35	-	481	306
26	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thạch Thất	5	134	84	-	50	134
27	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Thanh Trì	3	105	31	-	74	105

Stt	Tên cơ sở dạy nghề	Kết quả đào tạo nghề cho LĐNT					
		Số lớp	Số người được đào tạo				Tổng số người học xong
			Cộng	Đối tượng 1	Đối tượng 2	Đối tượng 3	
28	Trung tâm GDNN - GDTX huyện Ứng Hòa	9	280	22	10	248	278
29	Trung tâm GDNN - GDTX quận Nam Từ Liêm	4	140	19	1	120	140
30	Trung tâm Đào tạo nghề Nông nghiệp và Tư vấn phát triển nông thôn	27	945	337	17	591	490
31	Trung tâm Dạy nghề Ba Vì	21	735	578	-	157	584
32	Trung tâm Dạy nghề tư thực mây tre đan Phú Vinh	25	867	53	-	814	861
33	Trung tâm dạy nghề tư thực nhân đạo Minh Tâm	75	2.610	265	78	2.267	2.053
34	Hội Đông y huyện Ba Vì	3	97	97	-	-	-
35	Trung tâm công nghệ sinh học thực vật - Viện di truyền nông nghiệp	12	395	203	7	185	220
36	Trung tâm Dịch vụ việc làm - Hội cựu chiến binh Hà Nội	8	280	52	7	221	280
37	Trung tâm hỗ trợ phát triển phụ nữ Hà Nội	24	838	52	2	784	838
38	Trung tâm nghiên cứu Phát triển thương hiệu làng nghề	92	3.218	544	190	2.484	2.588
39	Trung tâm thông tin kinh tế	1	35	34	-	1	35
40	Viện Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	105	4	9	92	105
41	Công ty CP Giáo dục Trường dạy nghề Kỹ thuật và Nông nghiệp Thanh Xuân	123	4.282	2.458	185	1.639	3.180
42	Công ty CP may An Phát	1	35	-	-	35	35
43	Công ty CP May Sơn Hà	5	175	-	-	175	175
44	Công ty CP Thương mại Tấn Quang	21	725	4	3	718	725
45	Công ty CP Tiến Vinh	90	3.150	1.310	484	1.356	2.515
46	Công ty CP Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề Thanh Xuân	26	900	428	50	422	830
47	Công ty CP Trường Giáo dục dạy nghề Thanh Xuân	24	840	160	14	666	595
48	Công ty CP Tư vấn và Đầu tư phát triển Rau Hoa Quả	9	315	105	5	205	315
49	Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ Việt Nhật	10	346	24	-	322	210
50	Công ty Đào tạo nghề Xuất nhập khẩu lao động	205	7.175	2.027	498	4.650	5.250
51	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Dịch vụ - Học viện Nông nghiệp Việt Nam	74	2.580	86	24	2.470	2.440
52	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo nghề nông thôn	14	481	235	6	240	411

Stt	Tên cơ sở dạy nghề	Kết quả đào tạo nghề cho LĐNT					
		Số lớp	Số người được đào tạo				Tổng số người học xong
			Cộng	Đối tượng 1	Đối tượng 2	Đối tượng 3	
53	Công ty TNHH Kỹ thuật nghề Tân Minh	12	398	8	22	368	398
54	Công ty TNHH mây tre đan xuất khẩu Hiền Lương	34	1.190	123	82	985	1.119
55	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại mây tre Hùng Việt	50	1.750	86	28	1.636	1.610
56	Công ty TNHH Trường Hà Anh	144	5.005	1.670	756	2.579	3.573
	Tổng cộng:	1.476	76.203	20.740	4.612	50.851	61.027

Ghi chú: Nguồn số liệu tại báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 09/6/2020 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956

BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ NĂM 2016

(Kèm theo Báo cáo giám sát số **44** /BC-HĐND ngày **17/04** 2020 của HĐND Thành phố)

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (1.000 đồng)								
		Tổng kinh phí	Tổng cộng	Ngân sách Thành phố			Ngân sách Quận/Huyện	Nguồn khác		
				Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó	
				KP hỗ trợ dạy nghề	Tiền ăn	Tiền đi lại			Thu học phí	Huy động
	Tổng cộng:	64.520.932	64.060.401	51.590.294	12.470.107	-	460.531	-	-	-
1	Dạy nghề cho LĐNT	64.190.525	64.060.401	51.590.294	12.470.107	-	130.124	-	-	-
1.1	Nghề Nông nghiệp	34.324.911	34.243.242	27.202.040	7.041.202	-	81.669	-	-	-
1.2	Nghề Phi nông nghiệp	29.865.614	29.817.159	24.388.254	5.428.905	-	48.455	-	-	-
2	Kinh phí tuyên truyền	222.061	-	-	-	-	222.061	-	-	-
3	Kinh phí điều tra, khảo sát	42.296	-	-	-	-	42.296	-	-	-
4	Kinh phí hoạt động BCD	66.050	-	-	-	-	66.050	-	-	-

Ghi chú: Nguồn số liệu tại báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 09/6/2020 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956

BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo giám sát số **44** /BC-HĐND ngày **17/7** 2020 của HĐND Thành phố)

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (1.000 đồng)								
		Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố				Ngân sách Quận/Huyệ n	Nguồn khác		
			Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó	
				KP hỗ trợ day nghề	Tiền ăn	Tiền đi lại			Thu học phí	Huy động
	Tổng cộng:	36.811.913	35.665.918	27.897.568	7.568.850	-	253.360	892.635	-	892.635
1	Dạy nghề cho LĐNT	36.359.053	35.466.418	27.897.568	7.568.850	-	-	892.635	-	892.635
1.1	Nghề Nông nghiệp	23.843.687	23.742.802	18.690.832	5.051.970	-	-	100.885	-	100.885
1.2	Nghề Phi nông nghiệp	12.515.366	11.723.616	9.206.736	2.516.880	-	-	791.750	-	791.750
2	Kinh phí tuyên truyền	237.900	199.500	-	-	-	38.400	-	-	-
3	Kinh phí điều tra, khảo sát	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Kinh phí hoạt động BCĐ	214.960	-	-	-	-	214.960	-	-	-

Ghi chú: Nguồn số liệu tại báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 09/6/2020 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956

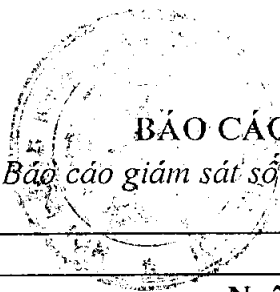
BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo giám sát số **44** /BC-HĐND ngày **17/7** 2020 của HĐND Thành phố)

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (1.000 đồng)								
		Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố				Ngân sách Quận/Huyện	Nguồn khác		
			Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó	
				KP hỗ trợ dạy nghề	Tiền ăn	Tiền đi lại			Thu học phí	Huy động
	Tổng cộng	56.610.889	53.278.115	44.975.797	8.051.060	-	107.340	3.225.434	33.300	3.192.134
1	Dạy nghề cho LĐNT	56.252.291	53.026.857	44.975.797	8.051.060	-	-	3.225.434	33.300	3.192.134
1.1	Nghề Nông nghiệp	35.286.864	34.668.296	29.644.936	5.023.360	-	-	618.568	33.300	585.268
1.2	Nghề Phi nông nghiệp	20.965.427	18.358.561	15.330.861	3.027.700	-	-	2.606.866	-	2.606.866
2	Kinh phí tuyên truyền	230.550	196.000	-	-	-	34.550	-	-	-
3	Kinh phí điều tra, khảo sát	41.808	-	-	-	-	41.808	-	-	-
4	Kinh phí hoạt động BCD	86.240	55.258	-	-	-	30.982	-	-	-

Ghi chú: Nguồn số liệu tại báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 09/6/2020 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956

BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo giám sát số **44** /BC-HĐND ngày **17/7**/2020 của HĐND Thành phố)

TT	Nội dung	Kinh phí thực hiện (1.000 đồng)								
		Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố				Ngân sách Quận/Huyện	Nguồn khác		
			Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó	
				KP hỗ trợ dạy nghề	Tiền ăn	Tiền đi lại			Thu học phí	Huy động
	Tổng cộng:	42.353.812	36.745.534	31.068.789	5.482.210	194.535	2.185.560	3.422.718	137.700	3.285.018
1	Dạy nghề cho LĐNT	41.974.997	36.550.999	31.068.789	5.482.210	-	2.001.280	3.422.718	137.700	3.285.018
1.1	Nghề Nông nghiệp	22.183.633	20.754.045	17.736.585	3.017.460	-	1.227.290	202.298	-	202.298
1.2	Nghề Phi nông nghiệp	19.791.364	15.796.954	13.332.204	2.464.750	-	773.990	3.220.420	137.700	3.082.720
2	Kinh phí tuyên truyền	218.285	194.535	-	-	194.535	23.750	-	-	-
3	Kinh phí điều tra, khảo sát	60.440	-	-	-	-	60.440	-	-	-
4	Kinh phí hoạt động BCD	100.090	-	-	-	-	100.090	-	-	-

Ghi chú: Nguồn số liệu tại báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 09/6/2020 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1956

TỔNG HỢP CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT
CỦA CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ VỚI ĐOÀN GIÁM SÁT
(Kèm theo Báo cáo số **44/BC-HĐND** ngày **17/7/2020** của **HĐND Thành phố**)

1. Đối với UBND Thành phố

- Có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động để họ có thể phối hợp với cơ sở đào tạo tiến hành vừa đào tạo, vừa làm ra sản phẩm tăng thu nhập của người học nghề, đồng thời giải quyết việc làm sau đào tạo (*Ba Vì, Sơn Tây, Thanh Oai*).

- Bố trí biên chế công chức chuyên trách thực hiện công tác quản lý đào tạo nghề và giáo dục nghề nghiệp cho các huyện, thị xã. Đồng thời tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác đào tạo nghề ở các huyện, thị xã. (*Đan Phượng, Phú Xuyên*)

- Bố trí kinh phí, xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức điều tra nhu cầu học nghề của lao động trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025; nâng cấp cơ sở vật chất cho các Trung tâm dạy nghề trên địa bàn quận, huyện, thị xã đáp ứng được nhiều ngành nghề đào tạo. (*Đan Phượng, Hoài Đức, Phú Xuyên*)

- Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với vị trí việc làm của doanh nghiệp và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thực tiễn. Có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề tại các doanh nghiệp, đào tạo nghề nông nghiệp gắn với nhu cầu của các cơ sở sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để giải quyết việc làm được cho người lao động sau khi học nghề, nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo. (*Đan Phượng*)

- Ban hành một số danh mục nghề đào tạo có chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thực tế của người lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. (*Hà Đông*)

- Ban hành cơ chế phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể và doanh nghiệp để đảm bảo người lao động sau học nghề có việc làm ổn định và nâng cao thu nhập, phát triển nghề bền vững sau đào tạo. (*Hà Đông, Phú Xuyên*)

- Xây dựng phần mềm quản lý học viên để tránh hiện tượng trùng lặp đối tượng tham gia học nghề. (*Mê Linh*)

- Hàng năm có chính sách tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phụ trách quản lý công tác đào tạo nghề cấp huyện và cán bộ phụ trách đào tạo của các Trung tâm dạy nghề công lập, các cơ sở dạy nghề ngoài công lập để công tác đào tạo nghề được tổ chức tốt hơn. Do hàng năm, một số đơn vị có thay đổi nhân sự thực hiện công tác quản lý đào tạo nghề, nhân sự mới không có nghiệp vụ, kỹ năng sẽ rất khó khăn, lúng túng trong công việc. (*Mê Linh*)

- Có cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp về đầu tư sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện để tạo việc làm cho người lao động. (*Quốc Oai*)

- Ban hành thêm một số danh mục nghề phù hợp với nhu cầu thực tế của người lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong thời gian tới. Thí điểm mô hình dạy nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ có thời gian đào tạo trên 03 tháng (theo hệ Trung cấp hoặc Cao đẳng nghề tại địa phương) cho lao động nông thôn, đặc biệt là đối tượng học sinh mới tốt nghiệp THPT có nhu cầu học nghề. (*Thanh Oai*)

- Huy động nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ phần chênh lệch giữa định mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ đào tạo được huy động đối với những nghề có chi phí đào tạo thực tế lớn hơn mức hỗ trợ tối đa quy định tại Mục 2.1 - phần II - văn bản số 3762/HD-LS: LĐTBXH-NNPTNT-TC về hướng dẫn thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2020. Hoặc ban hành quy định nâng mức hỗ trợ đào tạo bằng với định mức chi phí đào tạo. (*Thanh Oai*)

- Việc dạy nghề cho lao động nông thôn hiện nay có nhiều chương trình như: Chương trình khuyến nông, khuyến công... với cơ chế điều hành rất khác với nội dung Quyết định số 1956/QĐ-TTg. Đề nghị cấp có thẩm quyền thống nhất về cơ chế quản lý nhà nước về dạy nghề, thống nhất về cách xác định “lao động qua đào tạo” để nhằm tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với công tác dạy nghề giải quyết việc làm. (*Chương Mỹ, Thạch Thất, Ứng Hòa*)

- Hiện nay các doanh nghiệp ở các làng nghề chủ yếu là truyền nghề, đề nghị Thành phố có cơ chế, hướng dẫn việc truyền nghề có thể sử dụng chính sách theo Quyết định 1956/QĐ-TTg nhằm phát triển các làng nghề có quy mô hàng hóa lớn. (*Thạch Thất*)

3. Đối với sở, ngành Thành phố

*** Huyện Ba Vì**

- Quan tâm hỗ trợ các chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Lao động - TB&XH cơ sở (đặc biệt học tập mô hình dạy nghề, tạo việc làm hiệu quả) để áp dụng trên địa bàn huyện, nhằm thực hiện tốt chính sách đối với người lao động và tham mưu thực hiện hiệu quả các chính sách cũng như hỗ trợ người dân trong nâng cao năng suất lao động, phát triển kinh tế.

- Đề nghị tiếp tục quan tâm hỗ trợ huyện các chương trình khuyến nông, các mô hình phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình; các chương trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, cấp vốn, giống, vật nuôi; hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong nông nghiệp, chăn nuôi giúp người dân trên địa bàn

tiếp cận kiến thức mới trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và năng suất lao động đem lại hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ huyện trong khâu quảng bá sản phẩm nông nghiệp đặc trưng trên địa bàn, kết nối với các đầu mối nhằm tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, các sản phẩm nông nghiệp cho người dân.

- Quan tâm hơn nữa hỗ trợ nguồn vốn vay giải quyết việc làm trên địa bàn huyện (đặc biệt đối với nguồn vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội cho đối tượng hộ cận nghèo theo chuẩn Thành phố).
